

Bản án số: 06/2022/DS-ST
Ngày: 02/3/2022
(V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HD - TỈNH BL
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương H Diễm**
Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Thuyền**
Ông Lại Thiện Phong

Thư ký phiên tòa: **Bà Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa: **Ông Dương Minh Kha**, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa:

-Nguyên đơn: Bà TTH, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp NT, xã NQ A, huyện HD, tỉnh BL

-Bị đơn: Bà KTP, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp NL, xã NQ A, huyện HD, tỉnh BL

(Bà H và bà P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2021, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà TTH trình bày:

Vào ngày 08/7/2019 (âm lịch) nhằm ngày 08/8/2019 (dương lịch) bà có cho bà KTP vay số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Đến ngày 25/9/2019 (âm lịch) nhằm ngày 23/10/2019 (dương lịch) bà có cho bà KTP vay tiếp số tiền vốn là 35.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Việc vay tiền có làm giấy tờ và bà P có ký tên xác nhận. Từ khi vay tiền bà P có đóng được 02 tháng tiền lãi của số tiền vốn 20.000.000 đồng với số tiền là 2.000.000 đồng, đến khi bà cho bà P vay số tiền vốn 35.000.000 đồng cho đến nay thì bà P không có đóng cho bà khoảng tiền lãi nào.

Nay bàH khởi kiện yêu cầu bà KTP có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay vốn là 55.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 21/3/2020 (âm lịch) nhằm ngày 13/4/2020 (dương lịch) cho đến ngày xét xử vụ án.

Bị đơn bà KTP trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2022: Vào ngày 08/7/2019 (âm lịch) bà có vay của bà TTH số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Đến ngày 25/9/2019 (âm lịch) bà có vay tiếp của bà TTH số tiền vốn là 35.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Việc vay tiền có làm giấy tờ và bà có ký tên xác nhận. Kể từ khi vay tiền thì bà có đóng lãi đầy đủ cho bàH. Tuy nhiên, đến ngày 21/3/2020 (âm lịch) bà tuyên bố đình hui nên không có đóng lãi tiếp cho bàH. Nay bàH khởi kiện yêu cầu bà giao trả số tiền vay vốn là 55.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bàH, tuy nhiên số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/3/2020 cho đến nay bà yêu cầu không phải chịu, do hiện bà bị giam giữ nên không có khả năng trả cho bàH. Đối với số tiền lãi bà đã đóng cho bàH thì bà yêu cầu Tòa án xem xét lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà TTH đối với bà KTP về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà KTP có nghĩa vụ trả cho bà TTH số tiền vay vốn là 55.000.000 đồng và tiền lãi là 19.260.000 đồng.

Về án phí: bà TTH không phải chịu. Buộc bà KTP phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.713.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bàH đối với bà P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Bị đơn bà KTP có hộ khẩu thường trú tại huyện HD, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD.

BàH và bà P có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bàH và bà P.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc giao dịch vay tài sản giữa bà bàH và bà P là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Điều này đã được các đương sự thống nhất thừa nhận trong quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTH đối với bà KTP, buộc bà P có nghĩa vụ giao trả cho bàH số tiền vay vốn là 55.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lại lãi suất của bà P: Xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng là quá cao so với quy định pháp luật nên cần được điều chỉnh lại, bà P xác định số tiền lãi mà bà đã đóng cho bàH từ ngày 08/7/2019 cho đến ngày 20/3/2020 nhưng bà không xác định được số tiền lãi đã đóng cho bàH là bao nhiêu, khi đóng lãi thì bà không có làm giấy tờ gì nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà, nên ghi nhận sự thừa nhận của bàH là có nhận của bà P số tiền lãi 02 tháng của số tiền vốn 20.000.000 đồng x 5%/tháng là 2.000.000 đồng.

Mức lãi suất của số tiền vay 20.000.000 đồng mà bà P phải đóng cho bàH được tính theo bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, tức là 1.66%/tháng, được tính bằng: 20.000.000 đồng x 1.66% x 02 tháng = 664.000 đồng. Như vậy số tiền bà P thực tế đã đóng cho bàH của số tiền vay vốn này cao hơn số tiền vốn bà P phải chịu theo quy định pháp luật là 1.336.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi suất của bàH đối số tiền vay vốn 55.000.000 đồng từ ngày 21/3/2020 (âm lịch) nhằm ngày 13/4/2020 (dương lịch) cho đến thời điểm xét xử, xét thấy bà P vay tiền của bàH thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật đối với số tiền mà bàH đã cho vay. Mức lãi suất của số tiền vay nêu trên được tính theo bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, tức là 1.66%/tháng, cụ thể: 55.000.000đồng, lãi suất được tính từ ngày 13/4/2020 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/3/2022) là 22 tháng, 17 ngày được tính bằng:

$55.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\% \times 22 \text{ tháng}, 17 \text{ ngày} = 20.596.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi mà bà P phải trả cho bàH tính từ ngày 13/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 20.596.000 đồng, đối trừ số tiền lãi mà bà P đã đóng cho bàH vượt quá so với quy định là 1.336.000 đồng, bà P còn phải trả cho bàH số tiền lãi là 19.260.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà TTH không phải chịu. Buộc bà KTP phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.713.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà TTH đối với bà KTP về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/. Buộc bà KTP có nghĩa vụ trả cho bà TTH số tiền là 74.260.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà KTP phải chịu là 3.713.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD.

4/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bà TTH và bà KTP được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện HD;
- Chi cục THADS huyện HD;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

TrươngH Diễm

